TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 131/2023/DS-PT
Ngày 26 – 4 – 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Bà Đinh Cẩm Đào

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2022/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:39/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 2 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T1 (tên gọi khác: T1), sinh năm 1947;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà T1: Anh Nguyễn Hoàng H3, sinh năm 1979 (Có mặt);

2. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1948 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh C..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H2: Ông Đặng Minh Quang, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Minh Hải - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Trần Kim H1, sinh năm 1957 (Có mặt);

2. Anh Nguyễn Duy Ph, sinh năm 1983 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh C..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1: Ông Cao Quốc Tuấn, là Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thiên Đức, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ủy ban nhân dân huyện T (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo*: Bà Trần Kim H1, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo ông Nguyễn Văn H2 trình bày:*

Năm 1987, cha vợ của ông là cụ Nguyễn Phú Qưới có lập di chúc chia đất cho các con. Bà Nguyễn Thị T1 (là vợ ông được chia phần đất diện tích 02 công tầm 3m, chiều ngang mặt tiền là 30 thước giáp kênh số 1, chạy dài 86m, có tứ cận: Hướng Đông giáp đất bà Nguyễn Thị Diệu Kế; hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Thanh Tuấn; hướng Nam giáo Kênh số 1; hướng Bắc giáp đất bà Trần Kim H1 (vợ ông Nguyễn Văn Út). Phần đất mặt tiền giáp lung khoảng 04m, cụ Qưới cho luôn bà T1 nên mặt tiền phần đất của bà T1 được chia là 34m, đất tọa lạc tại khóm 5, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Cụ Qưới chết năm 1988, vợ cụ Qưới là cụ Huỳnh Thị Tiềm chết năm 1970. Năm 1993, ông H2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc thửa số 608, tờ bản đồ số 01, có diện tích 3.210 m^2.

Khi cụ Qưới còn sống, cụ Qưới sống chung với vợ chồng ông Nguyễn Văn Út và bà Trần Kim H1. Do khi cụ Qưới cất nhà có nợ của các con một số tiền nên ông H2 và bà T1 để lại phần đất được chia cho ông Út, bà H1 sử dụng canh tác để trả nợ. Năm 1999 ông Út chết, bà T1 tiếp tục để lại phần đất cho con ông Út và bà H1 là anh Phong canh tác đến khi học ra trường.

Năm 2003, bà H1 tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà H1 và anh Phong, phần đất được cấp quyền sử dụng mặt tiền ngang 32m. Cùng trong năm 2003, bà H1 và anh Phong có chia đất theo di chúc của cụ Qưới, lúc đó chia cho vợ chồng ông H2, bà T1 phần đất có chiều ngang mặt tiền 12m, vợ chồng ông H2 không đồng ý.

Năm 2006, vợ chồng ông H2 và bà T1 tiếp tục lấy lại đất thì bà H1 và anh Phong chỉ trả phần đất có chiều ngang mặt tiền 12m, chiều dài 216 m. Vợ chồng ông nhận đất và tiếp tục yêu cầu trả phần đất còn lại, khi trả đất không có làm giấy tờ, vợ chồng ông và bà H1, anh Phong phát sinh tranh chấp do vợ chồng ông phát hiện bà H1 trả đất cho vợ chồng ông không đủ.

Vợ chồng ông có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, sau đó Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông với diện tích 5.500 m^2.

Nay ông H2 và bà T1 khởi kiện yêu cầu bà H1 và anh Phong trả lại cho vợ chồng ông phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 1.546,9 m^2 (ngang 18m, dài

86m) thuộc một phần thửa 538, tờ bản đồ địa chính số 01 (bản đồ chỉnh lý năm 2011) tọa lạc tại khóm 5, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Theo anh Nguyễn Hoàng H3 trình bày:

Anh H3 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông H2.

- Theo bà Trần Kim H1 trình bày:

Bà H1 xác định vào năm 1987, cụ Quới là cha chồng của bà có lập di chúc chia đất cho các con. Khi chia đất, không có đo đạc mà chỉ ước chừng, chồng bà là ông Nguyễn Văn Út. Bà T1 (Tám) được chia 02 công tầm lớn nhưng bà T1 và chồng là ông H2 để lại phần đất cho vợ chồng bà canh tác. Ông H2 và bà T1 còn được cụ Quới cho 40 công đất khác ở ấp 1, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Sau khi cụ Quới chết thì chồng bà canh tác 06 công đất vườn và 14 công đất ruộng tại khóm 5, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Năm 1999 ông Út chết, năm 2002 bà T1 đến cặm ranh đất 12m mặt tiền, chiều dài 216m (cặp phần đất đang tranh chấp hiện nay). Năm 2003, bà H1 và con là Nguyễn Duy Ph chia đất theo di chúc của cụ Quới cho bà Nguyễn Thị Khiêm 03 công (mặt tiền 20m), anh Bùi Liên Hiệp 03 công (mặt tiền 20m), anh Tạ Thành Nhị 03 công (mặt tiền 20m), ông Nguyễn Thành Thông 07 công (mặt tiền 45m), bà T1 02 công (mặt tiền 12m). Còn lại 12 công bà tiếp tục quản lý sử dụng. Tại thời điểm này hai bên không có tranh chấp, bà và anh Phong được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2003.

Năm 2008, bà T1 đưa ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói là được chia 05 công và chiếm toàn bộ phần mặt tiền. Bà không thống nhất và có khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình đã ra quyết định thu hồi một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T1. Bà H1 không thống nhất trả lại đất theo yêu cầu của bà T1 và ông H2. cho bà Nguyễn Thị T1 (và ông Nguyễn Văn H2 phần đất 1.892 m^2 theo yêu cầu của ông H2, bà T1. Lý do phần đất thực tế các bên đang quản lý, sử dụng theo đúng di chúc của cụ Quới.

- Theo anh Nguyễn Duy Ph trình bày:

Anh Phong thống nhất với ý kiến của bà H1, không chấp nhận yêu cầu của bà T1 và ông H2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2022/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1 (, ông Nguyễn Văn H2 đối với bà Trần Kim H1, anh Nguyễn Duy Ph.

Buộc bà Trần Kim H1, anh Nguyễn Duy Ph có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 (, ông Nguyễn Văn H2 phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế tế 1.546,9 m^2, thuộc một phần thửa 538, tờ bản đồ địa chính số 01 (bản đồ chỉnh lý năm 2011) tọa lạc tại khóm 5, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Có tự cận như sau:

Mặt tiền giáp lộ bê tông từ mốc M4 – M5 dài 18m;

Mặt hậu giáp phần đất còn lại không tranh chấp của bà Trần Kim H1, anh Nguyễn Duy Ph từ mốc M3 – M10 dài 18m;

Cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất còn lại không tranh chấp của bà Trần Kim H1, anh Nguyễn Duy Ph từ mốc M3 – M4 dài 86m;

Cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất còn lại không tranh chấp của ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị T1 từ mốc M5 – M10 dài 86m.

Buộc bà Trần Kim H1, anh Nguyễn Duy Ph có nghĩa vụ cùng ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị T1 (liên hệ cơ quan chuyên môn làm thủ tục tách giấy chứng nhận đối với phần đất nêu trên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/12/2022, bà Trần Kim H1 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1 và ông H2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Kim H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Luật sư Tuấn phát biểu: Di chúc của cụ Qưới là phân chia phần đất cho bà T1, giữa bà T1 và ông H2 không có văn bản thỏa thuận phần đất được chia là tài sản chung của bà T1 và ông H2, nên ông H2 không có quyền khởi kiện. Phần đất đã được tiến hành phân chia theo di chúc cụ Qưới từ năm 1997; do thời điểm đó đã chuyển sang nuôi trồng thủy sản nên các đồng thừa kế có thống nhất hoán đổi phân chia phần đất có tiền, có hậu để tiện sử dụng canh tác. Bà T1 đã thống nhất nhận phần đất ngang 12m dài 216 (đủ diện tích 2 công) từ năm 2003 và quản lý sử dụng, không có tranh chấp, sau đó đến năm 2008 ông H2 mới tranh chấp. Theo biên bản hòa giải của thị trấn Thới Bình năm 2010 giữ nguyên phần đất cho các bên sử dụng. Bà T1 và ông H2 vẫn tiếp tục quản lý sử dụng phần đất ngang 12m, dài 216 cho đến nay và cũng có cho người khác thuê. Án sơ thẩm căn cứ vào di chúc của cụ Qưới để chấp nhận yêu cầu của bà T1 và ông H2 mà chưa xem xét toàn diện các tình tiết trong vụ án, là chưa phù hợp. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H1, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1 và ông H2. Đối với phần nhà mồ người thân của ông H2, có một phần trên phần đất tranh chấp bà H1 không đặt ra yêu cầu di dời.

Bà H1 không có ý kiến tranh luận.

Luật sư Quang phát biểu: Nguồn gốc đất là của cụ Qưới, di chúc của cụ Qưới là hợp pháp. Theo di chúc phân chia cho bà T1 phần đất ngang 30m, dài 86m; ông H2 được cấp quyền sử dụng đất năm 1993 ngang 100m, dài 30m là do nhầm lẫn giữa chiều ngang với chiều dài nên đã bị thu hồi chưa cấp lại. Bà H1 được cấp quyền sử dụng năm 2003 trùm lên quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H2. Phần đất bà H1 giao lại không đúng theo di chúc, năm 2006 bà T1 và ông H2 nhận phần đất bà H1 giao lại ngang 12m, dài 86m chứ không phải dài 216m; do không đủ 30m ngang nên bà T1 và ông H2 đòi thêm 18m ngang. Ông H2 có đóng tiền làm lộ 2.000.000 đồng, chứ chưa xác định được đóng tiền phần làm lộ ngang 12m

hay 30m. Kiến nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông H2 phát biểu: Phần đất được phân chia trước đây vợ chồng ông để lại cho vợ chồng bà H1 sử dụng để trả nợ và nuôi con (Phong) ăn học đến khi ra trường.

Anh H3, anh Phong không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Trần Kim H1, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1 và ông H2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn H2 khởi kiện yêu cầu bà Trần Kim H1 và anh Nguyễn Duy Ph trả lại phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 1.546,9 m^2 (kích thước ngang 18m, dài 86m) tọa lạc tại khóm 5, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Bà H1 và anh Phong không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà H1 và ông H2. Do bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T1 và ông H2, buộc bà H1 và anh Phong trả lại đất cho bà T1 và ông H2 nên bà H1 kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1 và ông H2. Xét kháng cáo của bà Trần Kim H1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Qua các tài liệu chứng cứ thu thập và trình bày của các đương sự thể hiện:

[2.1] Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Phú Qưới (chết năm 1988) và cụ Huỳnh Thị Tiềm (chết năm 1970), là cha mẹ của bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn Út (chồng bà H1) tạo lập, đất toạ lạc tại khóm 5, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình.

[2.2] Ngày 09/4/1987, cụ Qưới lập di chúc phân chia đất và các tài sản khác cho các con, trong đó có bà T1. Bà T1 được phân chia phần đất diện tích 02 công, kích thước: chiều ngang mặt tiền 30m, chiều dài từ mặt tiền trở vô (tương đương 86m).

[2.3] Do cụ Qưới sống chung với vợ chồng ông Út và bà Hương, khi cụ Qưới cất nhà có nợ của các con một số tiền nên bà T1 và những người con khác được phân chia đất vẫn để lại phần đất được chia cho ông Út, bà H1 sử dụng canh tác để trả nợ. Năm 1999 ông Út chết, phần đất vẫn tiếp tục để lại cho bà H1 canh tác. Đến năm 2006, bà H1 giao trả lại phần đất cho bà T1 (thời điểm này đã chuyển dịch sang nuôi trồng thủy sản), khi giao trả lại đất có thống nhất việc hoán đổi, bà H1 giao cho bà T1 phần đất chiều ngang mặt tiền 12m, chiều dài 216m, đủ diện tích 02 công (2.592m^2), bà T1 đã nhận đất và quản lý sử dụng. Đến năm 2008 (thời điểm này Nhà nước đã làm lộ ngang mặt tiền phần đất), ông H2 phát sinh tranh chấp với bà H1. Vụ việc tranh chấp được Ủy ban nhân dân thị trấn Thới Bình hòa giải tranh chấp vào ngày 12/3/2010. Tại biên bản hòa giải tranh chấp ngày

12/3/2010 của Ủy ban nhân dân thị trấn Thới Bình quy định giữ y phần đất các bên sử dụng, nếu bên nào không đồng ý thì trong 07 ngày có quyền khởi kiện ra tòa để yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, sau khi hòa giải của Ủy ban nhân dân thị trấn Thới Bình, phía ông H2 cũng không tiếp tục yêu cầu và cũng không khởi kiện ra tòa để yêu cầu giải quyết tranh chấp, mà đến năm 2019 ông H2 và bà T1 mới khởi kiện; đối với phần đất bà H1 đã giao ngang 12m, dài 216m ông H2 và bà T1 vẫn tiếp tục quản lý sử dụng đất cho đến nay. Ngoài việc trực tiếp sử dụng phần đất, phía bà T1 và ông H2 còn có thời gian cho người khác thuê để sử dụng đối với phần đất này. Tại phiên tòa ngày 11/4/2023, anh H3 trình bày sau khi nhận phần đất bà H1 giao trả, gia đình anh H3 cho người khác thuê phần đất để làm đường nước, sau khi không còn cho thuê thì gia đình anh H3 sử dụng làm ao nuôi cá. Tại phiên tòa hôm nay, anh H3 cũng trình bày vào năm 2020 gia đình anh H3 có cho ông Nguyễn Văn Tùng thuê phần đất phía sau hậu để làm ao lắng lấy nước nuôi tôm công nghiệp, trong khi đó ông H2 và bà T1 đã khởi kiện tranh chấp ra tòa và được Tòa án thụ lý vụ án ngày 15/7/2019; đối với phần đất mặt tiền phía trước, gia đình bà T1 và ông H2 cũng đã bơm lấp mặt bằng để sử dụng đất.

[2.4] Như vậy cho thấy, mặc dù di chúc của cụ Qưới phân chia cho bà T1 phần đất chiều ngang 30m, chiều dài tương đương 86m; nhưng đến khi bà H1 giao lại đất cho bà T1 vào năm 2006 (thời điểm này đất đã chuyển đổi sang nuôi trồng thuỷ sản), đã có sự thống nhất hoán đổi bà H1 giao cho bà T1 phần đất có kích thước chiều ngang 12m, chiều dài 216m, diện tích 02 công. Phía bà T1 đã nhận đất và quản lý sử dụng phần đất mà bà H1 giao lại ngang 12m, dài 216m liên tục từ năm 2006 đến nay. Do đó, việc bà T1 và ông H2 khởi kiện yêu cầu bà H1 và anh Phong giao trả lại phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 1.546,9 m^2 (kích thước ngang 18m, dài 86m) là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với phần nhà mồ người thân của ông H2 có một phần nằm trên phần đất tranh chấp, tại phiên toà bà H1 và anh Phong thống nhất vẫn giữ nguyên hiện trạng, không yêu cầu di dời, nên không đặt ra xem xét.

[4] Đối với ông Nguyễn Minh Cảnh là người đang thuê đất của bà H1, trong đó có phần đất đang tranh chấp, đáng lẽ ra cấp sơ thẩm cần phải đưa ông Cảnh tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng cấp sơ thẩm không đưa ông Cảnh tham gia tố tụng là có thiếu sót. Tuy nhiên, ông Cảnh cũng có ý kiến nếu phần đất tranh chấp giải quyết thuộc về ai thì ông Cảnh sẽ giao trả đất lại cho người đó, ông Cảnh không có yêu cầu gì. Đồng thời tại phiên toà, ông H2 và anh H3 cũng xác định nếu trường hợp chấp nhận yêu cầu của bà T1 và ông H2, buộc bà H1 và anh Phong trả đất thì đối với phần đất ông Cảnh đang thuê thì gia đình bà T1 và ông H2 sẽ tự thoả thuận với ông Cảnh, không yêu cầu xem xét trong vụ án này. Hơn nữa, cấp phúc thẩm cũng nhận định không chấp nhận yêu cầu của bà T1 và ông H2. Do đó, không cần thiết phải huỷ bản án sơ thẩm do thiếu sót không đưa ông Cảnh tham gia tố tụng trong vụ án.

[5] Đối với bà Nguyễn Thị Khiêm, bà Nguyễn Thị Luận, bà Nguyễn Thị Kế, ông Nguyễn Thành Thông là con cụ Qưới được phân chia phần đất theo di chúc; những người này đều đã nhận đất sử dụng ổn định, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có tranh chấp. Hiện nay chỉ có tranh chấp giữa bà T1

và ông H2 với bà H1 và anh Phong, không ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của những người này, nên không cần thiết phải đưa những người này tham gia tố tụng trong vụ án. Cấp sơ thẩm không đưa những người này tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp.

[6] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo bà Trần Kim H1, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1 và ông H2 là phù hợp.

[7] Chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm các đương sự phải chịu được điều chỉnh lại theo quy định pháp luật, cụ thể: Chi phí đo đạc, thẩm định giá bà T1 và ông H2 phải chịu; án phí sơ thẩm miễn cho bà T1 và ông H2; bà H1 và anh Phong không phải chịu chi phí đo đạc, thẩm định giá và án phí sơ thẩm.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H1 không phải chịu (đã được miễn dự nộp).

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Kim H1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 90/2022/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1 (và ông Nguyễn Văn H2 về việc yêu cầu bà Trần Kim H1 và anh Nguyễn Duy Ph trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 1.546,9 m^2 tọa lạc tại khóm 5, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Phần đất có tự cận:

Mặt tiền giáp lộ bê tông từ mốc M4 – M5 dài 18m;

Mặt hậu giáp phần đất còn lại không tranh chấp của bà Trần Kim H1, anh Nguyễn Duy Ph từ mốc M3 – M10 dài 18m;

Cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất còn lại không tranh chấp của bà Trần Kim H1, anh Nguyễn Duy Ph từ mốc M3 – M4 dài 86m;

Cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất còn lại không tranh chấp của ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị T1 từ mốc M5 – M10 dài 86m.

(Kèm theo Bản vẽ hiện trạng ngày 05/4/2022 của Trung tâm kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau).

- Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị T1 (và ông Nguyễn Văn H2 phải chịu 14.047.000 đồng (đã nộp xong).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T1 (và ông Nguyễn Văn H2 được miễn chịu án phí. Ngày 15/7/2019, bà T1 đã dự nộp 946.000 đồng theo biên lại thu số 0010537 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Kim H1 không phải chịu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;*
- *Chi cục THADS huyện Thới Bình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập